

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN TX THÀNH PHỐ HÀ
NỘI**

**CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2019/ST-DS

Ngày: 11.6.2019

V/v: *tranh chấp đòi tài sản*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TX, THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phương Thảo

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Chu TT

2. Ông Đặng NH

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn TH

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận TX, thành phố Hà Nội tham gia phiên toà: Bà Vũ Thị AD-Kiểm sát viên

Ngày 11 tháng 6 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận TX, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 76/2018/TLST-DS ngày 15 tháng 8 năm 2018 về tranh chấp “*đòi tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 95/2019/QĐXX-ST ngày 24 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1. ***Bà Nguyễn TLT, sinh năm 1972;***

Địa chỉ: Số 37 phố Nguyễn Ngọc Nại, phường Khương Mai, quận TX, thành phố Hà Nội; vắng mặt tại phiên tòa.

1.2. ***Ông Nguyễn VH, sinh năm 1976;***

Địa chỉ: Căn hộ số A, tầng 8 tháp B dự án tháp nhà ở cao tầng MĐ, tổ dân phố 8, phường MĐ 2, quận NTL, thành phố Hà Nội; vắng mặt tại phiên tòa.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn TLT và ông Nguyễn VH: Bà Nguyễn Thị TK theo Hợp đồng ủy quyền số công chứng 2018.2019/HĐUQ; quyền số 25/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 06 tháng 4 năm 2019 tại Văn phòng công chứng Gia Khánh; Có mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn PH, sinh năm 1959;

Địa chỉ: P1509 Tòa nhà 17T8, khu đô thị TH- NC, quận TX, thành phố Hà Nội; Có mặt tại phiên tòa.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Bà Phạm Ngọc Hà- Luật sư Công ty luật trách nhiệm hữu hạn HPVN; Có mặt tại phiên tòa.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Công ty cổ phần đầu tư phát triển xây dựng Toàn Cầu Vietpol

Địa chỉ: P604 Tòa nhà 17T8, khu đô thị TH- NC, quận TX, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn PH; Có mặt tại phiên tòa.

3.2. Ông Trần DT

Địa chỉ: P1509 Tòa nhà 17T8, khu đô thị TH- NC, quận TX, thành phố Hà Nội; Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ngày 8 tháng 8 năm 2018, bà Nguyễn TLT và ông Nguyễn VH có đơn khởi kiện vụ án dân sự về việc Tranh chấp đòi tài sản đối với bà Nguyễn PH, yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề sau:

Buộc bà Nguyễn PH thanh toán trả số tiền 12.009.217.750 VNĐ theo Biên bản thỏa thuận ngày 02.12.2016. Đây là số tiền ông Nguyễn VH, bà Nguyễn TLT đã đưa cho bà Nguyễn PH để bà H làm ăn chung góp vốn đầu tư vào các dự án và được hai bên chốt lại.

Kèm theo đơn khởi kiện, người khởi kiện đã nộp các tài liệu, chứng cứ sau đây:

1- Biên bản thỏa thuận ngày 02.12.2016.

2- Các văn bản trong quá trình chốt công nợ giữa bà Nguyễn PH, bà Nguyễn TLT, ông Nguyễn VH.

3- Bản sao giấy tờ tùy thân.

* Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày nội dung tranh chấp và yêu cầu khởi kiện như sau:

Giữa nguyên đơn và bị đơn có quan hệ họ hàng và cùng làm ăn với nhau nên nhiều lần nguyên đơn góp vốn cùng làm ăn với bị đơn. Cách thức mà nguyên đơn góp vốn đầu tư cùng nhau như sau: Bà H thông báo với nguyên đơn là có dự án có thể đầu tư với lợi nhuận tốt, cần góp với số tiền để nhận được số mét vuông sàn xây dựng căn hộ. Sau đó nguyên đơn (hai người, mỗi người đóng góp 50%) đã nộp tiền cho bà H để bà H tự làm việc với các chủ đầu tư, chủ dự án, nguyên đơn không trực tiếp làm việc với chủ đầu tư, chủ dự án nào mà chỉ làm việc với bà H, nộp tiền cho bà H để bà H trực tiếp ký kết hợp đồng và làm việc với chủ đầu tư. Vì là chỗ thân quen nên giữa ông H, bà Thủy thống nhất làm việc, nộp tiền, chốt công nợ với bà H có thể do ông H hoặc bà Thủy đứng ra ký kết, giao tiền, chốt công nợ.

Sau đó, khi chủ đầu tư phân chia sàn xây dựng căn hộ thì bà H lại tự bán và trả lại vốn đầu tư gốc và phân chia lợi nhuận cho nguyên đơn. Nguyên đơn đã góp tiền để bà H đi đầu tư cho một số dự án và đã bán đi và phân chia lợi nhuận với nhau.

Sau khi kết thúc mỗi dự án, bà H đều nợ lại nguyên đơn một khoản tiền và bà H đều cam kết về thời gian trả nợ.

Ngày 23.10.2009, ông Nguyễn VH ký hợp đồng hợp tác đầu tư với Công ty cổ phần đầu tư phát triển Vietpol số 01/12/HĐHT về việc góp vốn đầu tư dự án Golden Palace, giá trị hợp đồng là 38.400.000.000 đồng. Việc góp vốn được thực hiện theo từng giai đoạn của hợp đồng.

Ngày 22.10.2009, bà Nguyễn TLT ký hợp đồng hợp tác đầu tư với Công ty cổ phần đầu tư phát triển Vietpol số 03/2009/HĐHT về việc góp vốn đầu tư dự án Golden Palace, giá trị hợp đồng là 120.042.400.000 đồng. Việc góp vốn được thực hiện theo từng giai đoạn của hợp đồng.

Thực hiện hợp đồng, các bên đã thống nhất phương thức góp vốn cho hai hợp đồng trên như sau:

- Ông H và bà Thủy gửi vào tài khoản của CT VP số tiền: 44.031.600.000 đồng (bốn mươi bốn tỷ, không trăm ba mươi một triệu, sáu trăm nghìn đồng).

- Số tiền còn lại bà Nguyễn PH có trách nhiệm khấu trừ vào số tiền của các dự án khác giữa hai bên còn tồn đọng lại, cụ thể như sau: dự án Hàm Nghi (thành phố Xanh), số tiền nguyên đơn được nhận lại là: 24.000.000.000 đồng (hai mươi bốn tỷ đồng); tiền bán 767 m² sàn căn hộ N04, số tiền nguyên đơn được hưởng là: 11.186.757.400 đồng (mười một tỷ, một trăm tám mươi sáu triệu, bảy trăm năm mươi bảy nghìn, bốn trăm đồng).

Ban đầu, bà H xác nhận đã nộp cho nguyên đơn tổng số tiền theo 02 hợp đồng trên là: 79.218.357.400 đồng. Tuy nhiên, sau này nguyên đơn được biết, CT VP chỉ đóng cho nguyên đơn số tiền 58.691.678.150 đồng (44.031.600.000 đồng và 14.660.078.150 đồng khấu trừ từ các khoản nợ của bà H của các dự án). Số tiền còn lại bà H còn nợ, bà H chưa nộp vào CT VP cho nguyên đơn để thực hiện hai hợp đồng nói trên. Do vậy, giữa hai bên đã nhiều lần gặp gỡ để xác nhận công nợ, cụ thể như sau:

Bà H PH sang tên hợp đồng góp số tiền này cho nguyên đơn với chủ đầu tư và bà H đã thực hiện, đồng thời, nguyên đơn và bà H cũng đồng ý chuyển nhượng 5 căn hộ đã góp vốn trong dự án N04, phần của bà H được hưởng là 8.517.461.500 đồng (tám tỷ, năm trăm mười bảy triệu, bốn trăm sáu mươi một nghìn, năm trăm đồng) được khấu trừ vào khoản tiền 79.218.357.400 đồng. Do vậy, số tiền còn lại cụ thể như sau:

79.218.357.400 đồng – 58.691.678.150 đồng – 8.517.461.500 đồng = 12.009.217.750 đồng.

Số tiền 12.009.217.750 đồng này đã được nguyên đơn và Bà H chốt trong biên bản ngày 02/12/2016.

Đến nay, nguyên đơn đã nhiều lần yêu cầu bà H pH trả cho nguyên đơn toàn bộ số tiền còn nợ trên nhưng bà H không trả nên khởi kiện đòi lại số tiền trên.

* Bà Nguyễn PH cho rằng: Bà Nguyễn PH không giao dịch nào với bà Nguyễn TLT, ông Nguyễn VH về dự án N04 và dự án Golden Palace. Số tiền mà nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán không liên quan gì đến bị đơn; bị đơn không nhận của nguyên đơn số tiền mà nguyên đơn yêu cầu. Ngoài ra, bà Nguyễn PH có kiến như sau:

1. Đơn khởi kiện của nguyên đơn không đúng theo mẫu số 23-DS ban hành kèm theo Nghị quyết số 01/2017/NQ-HĐTP ngày 13.01.2017 của Hội đồng Thẩm phán.

2. Nguyên đơn trong vụ kiện gồm 02 người không có quan hệ vợ chồng, không có quan hệ sở hữu chung tài sản. Các nguyên đơn khởi kiện đòi bà pH trả hơn 12 tỷ đồng, nhưng không xác định mỗi người đòi bao nhiêu. Bà Nguyễn TLT không đưa ra được chứng cứ chứng minh bà đã vi phạm nghĩa vụ đối với bà Nguyễn TLT theo điểm g, khoản 4 Điều 5, Điều 189 Bộ luật tố tụng dân sự. Theo quy định tại các Điều 4, 5, 6 của Bộ luật tố tụng dân sự, bà Nguyễn TLT không có quyền khởi kiện.

3. Chứng cứ tòa án thu thập từ cơ quan điều tra và chứng cứ do nguyên đơn cung cấp thể hiện các quan hệ dân sự xuất phát từ nguyên đơn với Công ty cổ phần Vietpol do bà làm người địa diện theo pháp luật, chứ không pH quan hệ cá nhân. Do vậy, theo quy định tại Điều 4 của Bộ luật tố tụng dân sự, nguyên đơn không có quyền khởi kiện đối với cá nhân bà.

4. Nguyên đơn không gửi đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ cho bị đơn là trái với quy định tại khoản 9, Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự, nguyên đơn không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho yêu cầu khởi kiện là trái với Điều 96 Bộ luật tố tụng dân sự.

Đề nghị Tòa án đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn TLT và bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn VH.

CT VP, do bà Nguyễn PH làm người đại diện theo pháp luật không trình bày ý kiến gì.

Tại phiên tòa hôm nay:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu như đã trình bày, xác định ông Trần DT không liên quan đến việc làm ăn và chiếm giữ phần tiền của nguyên đơn, đề nghị Tòa án buộc bà Nguyễn PH trả số tiền còn chiếm giữ theo văn bản thỏa thuận ngày 02.12.2016 là 12.009.217.750 đồng. Ngoài ra không còn yêu cầu nào khác.

Bà Nguyễn PH xác nhận khoản tiền nguyên đơn khởi kiện là quan hệ giữa cá nhân bà với hai nguyên đơn. Tuy nhiên, do giữa bà và ông H, bà Thủy chưa chốt được con số cụ thể là bao nhiêu tiền nên đề nghị hai bên ngồi lại với nhau để tính toán lại, xác định số nợ cụ thể của bà là bao nhiêu, bà sẽ đồng ý trả. Về văn bản thỏa thuận ngày 02.12.2016 đúng là bà đã ký xác nhận với ông H nhưng chưa thừa nhận số tiền 12.009.217.750 đồng. Số tiền 12.009.217.750 đồng chỉ thể hiện ý chí của ông H đưa ra và bà nghĩ rằng các bên chỉ tạm ký, sau này sẽ ngồi lại tính toán với nhau sau. Ngay sau khi ký văn bản thỏa thuận này, hai bên đã hủy bỏ ngay. Tại phiên tòa hôm nay, bà không xuất trình được văn bản hủy này nhưng đề nghị Tòa án hoãn phiên tòa lấy lời khai của luật sư Luân, là luật sư của Công ty cổ phần đầu tư phát triển xây dựng Toàn Cầu Vietpol từ năm 2008 để làm chứng cho việc hai bên đã hủy văn bản thỏa thuận. Về lời khai tại cơ quan điều tra Công an thành phố Hà Nội, bà đã xác nhận còn nợ ông H, bà Thủy số tiền 12.009.217.750 đồng và cam kết trả trong thời hạn 40 ngày là do đến ngày 25.7.2013, bà PH đi nước ngoài nên ngày 24.7.2013 bà đã tự tay viết

bản tường trình, đồng thời khai nhận tại cơ quan điều tra để kết thúc vụ việc. Bà nghĩ rằng sau này các bên sẽ ngồi lại chốt con số với nhau sau. Tại phiên tòa bà không xuất trình chứng cứ gì mới. Ông Trần DT là chồng bà đã nhận được các văn bản của Tòa án và đã có văn bản xin vắng mặt nhờ luật sư Nguyễn Anh Tuấn là người đại diện hợp pháp cho bà trong quá trình Tòa án tiến hành tố tụng chuyển đến Tòa án do pH đi công tác thường xuyên. Trước đây, bà ủy quyền cho luật sư Tuấn, tại phiên tòa, luật sư Tuấn từ chối nhận ủy quyền, bà đồng ý và sẽ tự mình tham gia phiên tòa. Luật sư Trường từ chối bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho bà tại phiên tòa, bà đồng ý và đề nghị Tòa án hoãn phiên Tòa để luật sư Phạm Ngọc Hà- Luật sư Công ty luật trách nhiệm hữu hạn HPVN có thời gian nghiên cứu hồ sơ. Trường hợp không hoãn được, bà đề nghị Hội đồng xét xử để luật sư Phạm Ngọc Hà tham gia bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho bà tại phiên tòa hôm nay.

Với tư cách là người đại diện theo pháp luật của Công ty cổ phần đầu tư phát triển xây dựng Toàn Cầu Vietpol, bà Nguyễn PH cũng chỉ có nguyện vọng các bên liên quan ngồi lại với nhau để xác định chính xác con số. Ngoài ra không có ý kiến nào khác.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Nguyễn PH phát biểu quan điểm: bà chưa có nhiều thời gian nghiên cứu hồ sơ nhưng qua phần trình bày của các bên đương sự và tranh tụng tại phiên tòa, bà thấy rằng do liên quan đến nhiều dự án đầu tư nên cần pH có ý kiến của các nhà đầu tư liên quan đến các dự án để có cơ sở giải quyết triệt để vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận TX, thành phố Hà Nội phát biểu quan điểm: Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về trình tự giải quyết vụ án; Các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình. Về nội dung, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ, đã được thẩm tra tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Nguyễn PH pH thanh toán trả ông Nguyễn

VH và bà Nguyễn TLT số tiền nợ gốc là 12.009.217.750 đồng; bà Nguyễn PH PH chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

[1] Về tố tụng:

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn có nguyện vọng đề nghị Tòa án không H giải vụ án, đề nghị Tòa án đưa vụ án ra xét xử.

Căn cứ khoản 4 Điều 207 vụ án thuộc trường hợp không tiến hành H giải được, Tòa án ra quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa hôm nay, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng ông Trần DT vắng mặt lần thứ 2, theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Về đơn khởi kiện của nguyên đơn: đầy đủ các nội dung theo quy định tại Điều 189 Bộ luật tố tụng dân sự nên hợp lệ.

Về chứng cứ: Nguyên đơn không gửi đơn và các tài liệu, chứng cứ cho bị đơn là vi phạm về nghĩa vụ của nguyên đơn quy định Điều 70, 96 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã mở phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ, các tài liệu có trong hồ sơ đều được công khai và bị đơn đã được sao chụp lại toàn bộ nên xác định, quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn về tố tụng dân sự đã được bảo đảm.

Về đề nghị hoãn phiên tòa của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Đây là lần thứ hai Tòa án mở phiên tòa và thời gian, địa điểm mở phiên tòa đều được tổng đạt hợp lệ cho các đương sự. Quá trình giải quyết vụ án và đến sau khi khai mạc phiên tòa, bị đơn đều có người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp. Việc tại phiên tòa, bị đơn xin thay đổi người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình, và có mời người khác người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp và luật sư mới có mặt tại phiên tòa đồng ý nhận bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho bị đơn là đảm bảo các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự, không

có căn cứ hoãn phiên tòa để có thời gian nghiên cứu hồ sơ như đề nghị của bà Nguyễn PH và người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho bà Nguyễn PH.

[2] Về pháp luật áp dụng: Các giao dịch được thực hiện trong thời gian Bộ luật dân sự năm 2005 có hiệu lực pháp luật nên áp dụng các quy định của Bộ luật dân sự năm 2005 để giải quyết vụ án.

[3] Về xác định quan hệ pháp luật: Các đương sự xác nhận giữa bà Nguyễn TLT, ông Nguyễn VH và bà Nguyễn PH không tồn tại hợp đồng hợp tác đầu tư nào. Nguyên đơn khởi kiện bị đơn đòi số tiền của nguyên đơn theo văn bản thỏa thuận là số tiền các bên đã chốt lại trong các lần đưa tiền làm ăn với nhau nên xác định quan hệ pháp luật là: Đòi tài sản.

[4] Về quyền khởi kiện: Ông Nguyễn VH, bà Nguyễn TLT xác nhận: Số tiền trên do ông H, bà Thủy cùng góp vốn với nhau để đưa cho bà H trong quá trình cùng làm ăn với nhau, mỗi bên góp vốn 50%. Do vậy, theo quy định về sở hữu chung quy định tại Điều 214 Bộ luật dân sự năm 2005, đây là sở hữu chung theo phần và là tài sản chung.

Quyền đối với tài sản chung được thực hiện theo các quy định từ điều 222, 223. Do vậy, việc ông Nguyễn VH, bà Nguyễn TLT đã xác nhận số vốn trên thuộc sở hữu chung theo phần của hai bên thì hai bên cùng có quyền khởi kiện đòi. Ông H và Bà Thủy không yêu cầu phân chia quyền sở hữu chung theo phần, nếu sau này có tranh chấp sẽ tự giải quyết riêng.

[5] Về yêu cầu khởi kiện:

Nguyên đơn khởi kiện đòi tài sản đối với bị đơn theo Văn bản thỏa thuận đề ngày 02.12.2016 giữa ông Nguyễn VH và bà Nguyễn PH. Bà Nguyễn PH cho rằng: bà không có giao dịch cá nhân nào đối với ông Nguyễn VH và bà Nguyễn TLT. Về Biên bản thỏa thuận ngày 02.12.2016, bị đơn có ý kiến như sau: về số tiền 12.009.217.750 đồng là số tiền ông H đưa ra, cho rằng bị đơn còn nợ. Chữ ký trong Biên bản đúng là của bà H. Tuy nhiên, đây là một giao dịch khác giữa ông H và Công ty cổ phần đầu tư phát triển xây dựng Toàn Cầu Vietpol, không liên quan gì đến cá nhân bà H. Tại phiên tòa, bà H lại cho rằng, văn bản này chỉ

là văn bản chốt nợ tạm thời giữa bà H và ông H, bà Thủy, đã được hai bên hủy ngay sau đó. Tuy nhiên, bà H không xuất trình được căn cứ chứng minh giữa các bên đã hủy bỏ văn bản thỏa thuận ngày 02.12.2016.

Xét văn bản thỏa thuận ngày 02.12.2016:

4.1. Về vấn đề xác nhận công nợ là giữa cá nhân bà Nguyễn PH hay giữa Công ty cổ phần đầu tư phát triển xây dựng Toàn cầu Vietpol với ông Nguyễn VH, bà Nguyễn TLT: tại mục 1 và 2 của văn bản thể hiện:

“1/. Bên A: Bà Nguyễn PH, CMND số: 030159000087 do Công an Hà Nội cấp ngày 23.4.2015. Hồ khẩu thường trú: P305-B13 tập thể Đông Xa, Cầu Giấy, Hà Nội; điện thoại: 0928883888.

2/. Bên B: Ông Nguyễn VH, CMND số 040076000029 do Cục trưởng cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư cấp ngày 18.10.2013. Hộ khẩu thường trú: DA Tháp nhà ở cao tầng MĐ, phường MĐ 2, quận NTL, TP Hà Nội; điện thoại: 0904000004”.

Như vậy, thể hiện việc ký kết thỏa thuận là giữa hai cá nhân với nhau, trong đó bên A là bà H, bên B là ông H. Tại phiên tòa hôm nay, bà Nguyễn PH cũng xác nhận đây là công nợ cá nhân giữa bà và ông H, bà Thủy, đề nghị các bên ngồi lại với nhau để xác định cụ thể số tiền còn nợ giữa hai bên. Do đó, có cơ sở xác định, đây là quan hệ dân sự giữa cá nhân bà Nguyễn PH với ông Nguyễn VH và bà Nguyễn TLT.

4.2. Về nghĩa vụ trong thỏa thuận:

Tại mục 2/. Ý kiến bên B, thể hiện:

“Theo Biên bản làm việc được ký giữa hai bên thì khoản tiền góp vốn của bên B vào dự án N04 và dự án Golden Place mà bên A pH trả lại là: 12.009.217.750 đồng... Bên B đề nghị bên A thanh toán số tiền này”.

Tại mục “3/. Sau khi trao đổi, hai bên thống nhất:

3.1/. **Bên A sẽ tạm chuyển số tiền 6.000.000.000 đồng cho bên B** bằng quyền sử dụng đất tại dự án H Quý, quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng

với giá 4.500.000 đồng/m² (bốn triệu năm trăm nghìn đồng chẵn”. Trong thời hạn đến ngày 14.12.2016 hai bên sẽ vào Đà Nẵng hoặc nhờ Công chứng tại Đà Nẵng ra Hà Nội để ký hợp đồng chuyển nhượng chính thức. Bên B sẽ chi trả chi phí để lấy sổ đỏ tại chủ đầu tư, chi phí công chứng, khoản thuế và chi phí để thực hiện thủ tục sang tên cho bên B”.

Về phía bà H thừa nhận chữ ký trong thỏa thuận là của mình nhưng không thừa nhận số tiền vì cho rằng số tiền đó chỉ là tạm tính và ông H đưa ra. Bà đồng ý ký vào văn bản vì nghĩ rằng sau này hai bên sẽ tiếp tục ngồi lại và chốt lại con số với nhau.

Như vậy, về số tiền bên B (ông H) đưa ra, bà H không phản đối gì. Tại phần hai bên thống nhất đã thể hiện bà H đồng ý thực hiện một phần nghĩa vụ là đồng ý tạm chuyển số tiền 6.000.000.000 đồng đối với yêu cầu của bên B.

Trước khi ký văn bản thỏa thuận ngày 02.12.2016, sau khi phát hiện bà H không đóng đủ số tiền của mình vào 02 hợp đồng ký giữa ông H, bà Thủy với Công ty Vietpool, ông H, bà Thủy đã có đơn tố giác bà H gửi đến Cơ quan cảnh sát điều tra, Công an thành phố Hà Nội. Tại cơ quan điều tra, bà H đã xác nhận còn nợ ông H số tiền khấu trừ từ các khoản nợ khác, không chỉ của dự án Golden Place là 12 tỷ đồng, hẹn sẽ trả lại trong vòng 40 ngày kể từ ngày 24.7.2012. Do đó, cùng ngày 24.7.2012, ông H đã rút đơn tố cáo, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Hà Nội đã ra Quyết định không khởi tố vụ án hình sự số 172 ngày 27.7.2012. Theo yêu cầu của nguyên đơn, Tòa án đã tiến hành thu thập các tài liệu trên tại Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Hà Nội. Các tài liệu này phù hợp với văn bản thỏa thuận ngày 02.12.2016 và các lời khai của nguyên đơn.

Như vậy, số tiền nguyên đơn kiện đòi không pH phát sinh từ 02 hợp đồng giữa ông H, bà Thủy với CT VP mà phát sinh từ các lần đưa tiền làm ăn chung khác và sau khi ký 02 hợp đồng với CT VP, các bên đã tổng hợp lại để chốt ra số tiền bà H pH thanh toán trả lại cho ông H, bà Thủy là 12.009.217.750 đồng. Tại cơ quan điều tra bà Nguyễn PH đã xác nhận giữa CT VP và ông H, bà

Thủy đã chấm dứt việc đầu tư góp vốn thông qua CT VP để khai thác dự án Golden Place. Giữa các bên không còn vướng mắc gì liên quan đến các dự án này.

Tòa án nhân dân quận TX đã đưa CT VP vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Về phía CT VP không có ý kiến gì. Do vậy, việc tại Tòa án bà H không thừa nhận số tiền đã nhận trong quá trình cùng làm ăn với ông H, bà Thủy là không có cơ sở.

[6] Về các vấn đề khác của vụ án: Ngoài các yêu cầu trên, các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề nào khác.

[7] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Bà Nguyễn PH pH chịu án phí dân sự có giá ngạch đối với phần nghĩa vụ pH trả cho ông Nguyễn VH và bà Nguyễn TLT, cụ thể:

Tổng số tiền pH thanh toán: 12.009.217.750 đồng có án phí là 112.000.000 đồng + 0,1% x 8.009.217.750 đồng = 120.009.218 đồng.

Ông Nguyễn VH và bà Nguyễn TLT không pH chịu án phí dân sự sơ thẩm, được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, 63, 220, 227, 264, 266, 267, 271, 273, 278, 280 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Điều 214, 222, 223, 169, 255 Bộ luật dân sự năm 2005

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn VH và bà Nguyễn TLT.

Buộc bà Nguyễn PH pH thanh toán cho ông Nguyễn VH và bà Nguyễn TLT số tiền theo văn bản thảo thuận ngày 02.12.2016 là: 12.009.217.750 đồng.

2. Về án phí:

Bà Nguyễn PH pH chịu 120.009.218 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Nguyễn VH và bà Nguyễn TLT không pH chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho ông Nguyễn VH và bà Nguyễn TLT số tiền 60.000.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai 0005145 ngày 15.8.2018 tại Chi cục thi hành án dân sự quận TX, thành phố Hà Nội.

3. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền pH trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên pH thi hành án còn pH chịu khoản tiền lãi của số tiền còn pH thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Về hướng dẫn thi hành án dân sự: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người pH thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5- Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

HỘI THẨM NHÂN
DÂN

THẨM PHÁN

HỘI THẨM NHÂN
DÂN

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân quận TX;
- Thi hành án dân sự quận TX;
- Lưu.

Phương Thảo

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân quận TX;
- Thi hành án dân sự quận TX;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Phương Thảo

